

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường thay đổi lần thứ nhất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/01/2022;

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ngày 10/5/2022;

- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ngày 10/5/2022;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1	Tổng doanh thu	34.657.908.860	77.635.146.282
2	Tổng chi phí	36.693.481.427	95.953.207.084
2.1	Chi phí giá vốn	25.263.458.874	63.176.088.227
2.2	Chi phí quản lý; Trong đó:	10.764.400.235	32.100.182.746
-	<i>Trích lập dự phòng phải thu khó đòi (hoàn nhập)</i>	<i>(4.546.730.117)</i>	<i>12.982.838.902</i>
-	<i>Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh</i>	<i>1.658.439.750</i>	<i>1.658.439.750</i>
-	<i>Khấu hao TSCĐ</i>	<i>5.115.942.626</i>	<i>4.504.946.370</i>
2.3	Chi phí bán hàng	665.622.318	676.936.111
3	Doanh thu hoạt động tài chính	217.496.864	505.920.073
4	Chi phí tài chính; Trong đó:	19.948.847.062	18.064.959.098
-	<i>Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 2 Công ty con</i>	<i>810.678.971</i>	<i>213.370.166</i>
-	<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>19.138.168.091</i>	<i>17.851.588.932</i>
5	Thu nhập khác	2.197.998.287	1.502.145.729
6	Chi phí khác	764.830.820	992.157.347
-	<i>Trong đó: phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính và phạt khác</i>	<i>323.869.369</i>	<i>595.055.757</i>

7	Lợi nhuận trước thuế	(20.333.755.298)	(35.367.111.445)
8	Thuế TNDN hiện hành		
9	Lợi nhuận sau thuế	(20.333.755.298)	(35.367.111.445)
10	LNST chưa phân phối lũy kế	(211.130.760.774)	(190.797.005.476)

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã được kiểm toán đến 31/12/2021 đính kèm)

2. Kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	51.721.475.707	120.566.680.078
2	Tổng chi phí	55.655.046.480	139.417.071.423
2.1	Chi phí giá vốn	41.030.458.577	103.902.332.271
2.2	Chi phí quản lý; Trong đó:	13.958.965.585	34.837.803.041
-	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi (hoàn nhập)	(4.546.730.117)	12.982.838.902
-	Phân bổ chi phí lợi thế kinh doanh	1.658.439.750	1.658.439.750
-	Khấu hao TSCĐ	5.378.777.895	4.785.636.678
2.3	Chi phí bán hàng	665.622.318	676.936.111
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.038.510.447	507.931.238
4	Chi phí tài chính; Trong đó:	19.138.168.091	17.966.481.982
-	Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn 2 Công ty con		
-	Chi phí lãi vay	19.138.168.091	17.966.481.982
5	Thu nhập khác	2.197.998.287	2.197.004.892
6	Chi phí khác	829.543.145	1.125.398.792
-	Trong đó: phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính và phạt khác	362.021.909	728.297.202
7	Lợi nhuận trước thuế	(20.664.773.275)	(35.237.335.989)
8	Thuế TNDN hiện hành		
9	Lợi nhuận sau thuế	(20.664.773.275)	(35.237.335.989)
10	LNST chưa phân phối lũy kế	(211.406.090.233)	(190.883.449.805)

(Chi tiết tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đến 31/12/2021 đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu: TK HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



VŨ HOÀI CHANG